TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/HNGĐ-ST
Ngày 09-8-2017.
V/v "Tranh chấp kiện ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Phạm Duy.
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Ngọc Thi và ông Lê Chí Trung.
- *Thư ký Toà án:* Ông Đỗ Xuân Lập - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thuý Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị Hồng P, sinh năm 1965.

*** Bị đơn:** Ông Phạm Văn N, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: Số nhà 01, ngõ 86, đường N, tổ 8, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(*Phiên toà có mặt bà P và ông N*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, và các lời khai tại Tòa án,nguyên đơn bà Đỗ Thị Hồng P có quan điểm:

Bà và ông Phạm Văn N kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 28/10/1987 tại UBND phường M, thành phố P, Hà Nam. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu khoảng 06 tháng. Khi cưới gia đình hai bên có tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương. Sau kết hôn, vợ chồng sống chung cùng với gia đình nhà chồng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, nhiều khi căng thẳng thì vợ chồng còn đánh nhau. Gia

đình hai bên và chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần cho vợ chồng nhưng không được. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn được nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2006 đến nay. Quá trình sống ly thân thì vợ chồng không quan tâm, chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với ông Phạm Văn N.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là Phạm Hồng D, sinh ngày 20/5/1988 và Phạm Hồng H, sinh ngày 05/6/1993. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành, lao động tự lập được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có. Hiện tôi không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản tự khai và lời khai tại Tòa án, bị đơn anh Phạm Văn N có quan điểm: Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như bà P khai là đúng. Vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà P có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác cho nên bà P bỏ nhà đi đêm nhiều lần, ông và các con đã khuyên bảo nhiều lần nhưng bà P vẫn theo đường cũ. Từ đó vợ chồng hay cãi chửi nhau và nhiều lần có xô sát với nhau. Bản thân ông rất muốn các con có một gia đình trọn vẹn, hạnh phúc. Nhưng nay bà P cương quyết xin ly hôn để đi lấy chồng khác thì ông cũng nhất trí ly hôn với điều kiện bà P phải làm đơn yêu cầu giải quyết về tài sản. Ông muốn ly hôn thì giải quyết luôn về tài sản.

Về con chung như bà P khai là đúng. Hiện nay các cháu đã trưởng thành lao động tự lập được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: ÔngNkhông có yêu cầu giải quyết về tài sản và ông cũng không làm đơn, không nộp đơn yêu cầu giải quyết về tài sản và ông cũng không nộp các tài liệu chứng cứ kèm theo. Ông muốn để cho bà P yêu cầu.

Về công nợ chung: Vợ chồng tôi không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên toà hôm nay:

- Bà Đỗ Thị Hồng P có quan điểm: Bà giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với ông Phạm Văn N; Về tài sản chung và công nợ chung bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Án phí ly hôn sơ thẩm bà tự nguyện nộp toàn bộ.

- Ông Phạm Văn N có quan điểm: Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông cũng nhất trí ly hôn với bà P; Về công nợ chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sau khi được Hội đồng xét xử giải thích pháp luật ông N không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

-Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Căn cứ điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 Bộluật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 54, 55, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứLuật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà P với ông Ngà. Xử công nhận thuận tìnhly hôn giữ bà Phương và ông N.

2/ Về con chung, con nuôi, con riêng, tài sản, công nợ: Vợ chồng không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập.

3/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà P và ông N phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, thấy:

* Về thẩm quyền: Xét thấy cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị Hồng P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Hồng P và ông Phạm Văn N là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/1987 tại UBND phường M ,

thành phố P, tỉnh Hà Nam, nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị Hồng P, HĐXX thấy:

Sau kết hôn vợ chồng bà P và ông N đã có một thời gian dài chung sống hạnh phúc và vợ chồng đã có hai con chung, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn hay cãi chửi nhau và sô xát nhau. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn mà hai bên đưa ra không hoàn toàn giống nhau, nhưng việc sảy ra mâu thuẫn, vợ chồng hay cãi nhau và có sô xát nhau là có thật được ông bà công khai thừa nhận.Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn được nên từ năm 2006 đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau.Quá trình sống ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm.

Tại phiên hòa giải tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án và HĐXX đã phân tích nhưng bà P vẫn kiên quyết đề nghị được ly hôn với ông N. Tại phiên tòa bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn, ông N cũng nhất trí ly hôn, điều đó càng khẳng định vợ chồng không muốn đoàn tụ với nhau nữa. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ nên việc bà P và ông N thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là Phạm Hồng D, sinh ngày 20/5/1988 và Phạm Hồng H, sinh ngày 05/6/1993. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành, lao động tự lập được nên bà P và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không xem xét.

Con nuôi, con riêng vợ chồng thống nhất không có, không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về công nợ chung: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, bà P không có yêu cầu Tòa án giải quyết; Ông N tại phiên tòa có đề nghị giải quyết về tài sản chung nhưng ông không nộp các tài liệu chứng cứ về tài sản và làm thủ tục nộp tạm ứng án phí về tài sản theo quy định của pháp luật. Sau khi được HĐXX giải thích các quy định của pháp luật có liên quan và thông báo cho ông N biết nếu ông tiếp tục có yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng thì HĐXX sẽ dành quyền khởi kiện cho ông bà ở một vụ kiện khác. Ông N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Do đó HĐXX không xem xét.

Về công nợ chung: Bà P và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Phương và ông Ngà phải nộp theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điều 143; điều 144; điều 147; điều 271; điều 273; điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 54, 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Thị Hồng P và ông Phạm Văn N.

2/ Về con chung: Vợ chồng thống nhất có hai con chung là Phạm Hồng D, sinh ngày 20/5/1988 và Phạm Hồng H, sinh ngày 05/6/1993. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành, lao động tự lập được, bà P và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về tài sản chung và công nợ chung: Bà P và ông Nkhông đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà P và ông N mỗi người phải nộp 150.000đ. Chấp nhận sự tự nguyện của bà P nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000đ. Bà P được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0000690 ngày 07/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Hà Nam. Bà P đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, bà P và ông N có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP P;
- Chi cục THADS TP P;
- UBND phường M, TP P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Phạm Duy